

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 90 /2018/QĐST-HNGĐ

Đắk Hà, ngày 22 tháng 8 năm 2018.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ Việc dân sự thụ lý số: 97/2018/TLST/HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2018, giữa:

- Chị Lương Châu Thị T, sinh năm 1997.
- Anh Lê Thanh H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Cùng trú tại thôn M, xã Đ, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lương Châu Thị T và anh Lê Thanh H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Châu Thị T và anh Lê Thanh H tự nguyện thoả thuận, thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng công nhận có hai con chung tên là Lê Thanh Đ, sinh ngày 16/6/2014 và Lê Bảo V, sinh ngày 18/4/2016. Các đương sự đã thoả thuận giao cháu Đ cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi và giao cháu V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định, anh H và chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự công nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về Lệ phí giải quyết việc dân sự: Áp dụng Điều 144; khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 4; Điều 6; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), các đương sự phải chịu. Chị Lương Châu Thị T thỏa thuận nhận nộp số tiền này, nhưng được trừ vào số tiền lệ phí chị T đã nộp trước đây theo biên lai số: AA/2010/ 0009417, ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Hà. Chị Lương Châu Thị T đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa cấp cao Đà Nẵng;
- Tòa án ND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

NGUYỄN DUY NGŨ